

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21-12-2022

*“V/v ly hôn giữa chị D-anh Th*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Đức - Thẩm phán  
Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Ngọc Tân; Ông Trần Quang Dương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân  
huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham  
gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh  
Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2022/TLST–  
HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo  
quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12  
năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Công Th, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn H, xã Q1, huyện Qu, tỉnh Thái Bình.

*(Tại phiên tòa có mặt các đương sự)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai nguyên đơn  
là chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày:* Chị và anh Nguyễn Công Th tự do, tự  
nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q1 vào ngày

27/8/2021, sau khi kết hôn cả hai đều chung sống cùng gia đình anh Th tại xã Q1 và lao động tự do. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, mỗi khi xảy ra mâu thuẫn anh Th có hành vi đập phá tài sản. Do không thể chung sống, tháng 9/2022 chị đã trở về gia đình bố mẹ đẻ tại xã M, huyện V sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị xin được ly hôn anh Th.

-Về con chung: Chị D khai vợ chồng không có con chung, chị không có thai con chung.

-Về tài sản chung: Chị D khai vợ chồng không có tài sản chung; vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn là anh Nguyễn Công Th trình bày:* Anh xác nhận lời khai của chị Hòa về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh xác nhận tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị xin được đoàn tụ vợ chồng.

-Về con chung: Anh Th khai vợ chồng không có con chung.

-Về tài sản chung: Anh Th xác nhận vợ chồng không có tài sản chung; vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn và bị đơn trong giai đoạn tố tụng và tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị D được ly hôn anh Th. Về tài sản chung: Chị D và anh Th không có tài sản chung vì vậy không đặt ra giải quyết. Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1]Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn H, xã Q1, huyện Qu, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Nguyễn Công Th được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q1, huyện Qu vào ngày 28/7/2021 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả hai đều chung sống cùng gia đình anh Th tại xã Q1 và lao động tự do. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Tháng 9/2022 mâu thuẫn căng thẳng, chị D đã trở về quê tại xã M, huyện V sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay, anh Th có đi tìm nhưng chị không trở về đoàn tụ. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị D làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn anh Th. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa anh Th đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn đồng thời anh đề nghị tình cảm vợ chồng vẫn còn và đề nghị xin được đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng để hai bên có cơ hội trở về đoàn tụ, nhưng chị D cự tuyệt tình cảm và đề nghị xin được ly hôn. Đối với anh Th xin được đoàn tụ nhưng anh cũng không có giải pháp nào hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Qua xác minh cán bộ Tư pháp xã Q1 và thân nhân chị D, thân nhân anh Th đều xác nhận cuộc sống vợ chồng giữa chị D và anh Th đã mâu thuẫn và hiện tại hai bên đã sống ly thân, đề nghị Tòa án căn cứ vào hiện trạng thực tế, hòa giải để chị D trở về đoàn tụ, nếu việc hòa giải không thành thì đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của chị D theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay chị D vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị xin được ly hôn. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh Th đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị D được ly hôn anh Th là có căn cứ.

[3]Về con chung: Chị D và anh Th không có con chung.

[4]Về tài sản chung: Chị D và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[5]Về án phí và lệ phí tòa án: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị D và anh Th có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn anh Nguyễn Công Th.

2/Về con chung: Chị D và anh Th không có con chung.

3/Về tài sản chung: Chị D và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004826 ngày 06/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị D và anh Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q1;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**NGUYỄN MINH ĐỨC**